

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;
2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Thái Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 24/12/1996 (vắng mặt có đơn);
Địa chỉ cư trú: Khóm An L, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Châu Minh T 2, sinh năm 1996 (vắng mặt);
Địa chỉ cư trú: Khóm 1, phường An B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 09 tháng 9 năm 2016, chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An B, thị xã H (nay là phường An B, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, chị và anh T 2 chung sống hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đầm ấm. Tuy nhiên, đến đầu năm

2020, chị và anh T 2 thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi, luôn bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do anh T 2 thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, dẫn đến nợ nần rất nhiều, gia đình chị phải đem tài sản ra trả nợ cho anh T 2; chị luôn khuyên can, tha thứ nhiều lần và vì nghĩ cho con nên chị vẫn cố gắng hàn gắn chung sống với anh T 2, nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng nhiều, anh T 2 không thay đổi mà ngày càng ăn chơi nhiều hơn, có khi bỏ nhà đi không về và tình cảm không còn nữa nên chị và anh T 2 sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Chị cùng con về nhà mẹ ruột của chị tại phường An B sinh sống cho đến nay. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh T 2.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Châu Minh T 3, sinh ngày 26/4/2017, chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2 tự nguyện thỏa thuận: Chị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Châu Minh T 3, sinh ngày 26/4/2017 (cháu T 3 hiện đang sống cùng chị T).

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu anh Châu Minh T 2 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nên anh Châu Minh T 2 không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Châu Minh T 2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 05 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Châu Minh T 2 trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày là đúng. Trong cuộc sống chung, tuy anh có gây ra nhiều lỗi lầm, nhưng anh vẫn còn thương vợ con; đồng thời, bản thân anh đã thay đổi, không ăn chơi mà chăm lo học nghề để làm ăn, mâu thuẫn giữa anh và chị T không có gì là quá trầm trọng. Chị T xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Châu Minh T 3, sinh ngày 26/4/2017, chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2 tự nguyện thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Châu Minh T 3, sinh ngày 26/4/2017 (cháu T 3 hiện đang sống cùng chị T).

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu anh Châu Minh T 2 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nên anh Châu Minh T 2 không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Châu Minh T 2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị T với anh T 2; *về nuôi con chung*: chị T và anh T 2 tự nguyện thỏa thuận: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Châu Minh T 3, sinh ngày 26/4/2017 (cháu T 3 hiện đang sống cùng chị T); *về cấp dưỡng*: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T 2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; *về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; *về nợ chung*: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2 đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Châu Minh T 2 được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 09 tháng 9 năm 2016, chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An B, thị xã H (nay là phường An B, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, chị và anh T 2 chung sống hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đầm ấm. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020, chị và anh T 2 thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi, luôn bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do anh T 2 thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, dẫn đến nợ nần rất nhiều, gia đình chị phải đem tài sản ra trả nợ cho anh T 2; chị luôn khuyên can, tha thứ nhiều lần và vì nghĩ cho con nên chị vẫn cố gắng hàn gắn chung sống với anh T 2, nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng nhiều, anh T 2 không thay đổi mà ngày càng ăn chơi nhiều hơn, có khi bỏ nhà đi không về và tình cảm không còn nữa nên chị và anh T 2 sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Chị cùng con về nhà mẹ ruột của chị tại phường An B sinh sống.

[4] Chị Nguyễn Thị Bích T nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được; đồng thời, anh chị đã

ly thân hơn 10 (mười) tháng nay; anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[6] Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2; chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Châu Minh T 3, sinh ngày 26/4/2017 (cháu T 3 hiện đang sống cùng chị T) theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T 2 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nên anh T 2 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[8] Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Châu Minh T 2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị T với anh T 2; *về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T 2, chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Châu Minh T 3, sinh ngày 26/4/2017 (cháu T 3 hiện đang sống cùng chị T); *về cấp dưỡng*: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết; chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T 2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; *về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; *về nợ chung*: Không có, nên không xem xét giải quyết là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, còn anh Châu Minh T 2 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T với anh Châu Minh T 2.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2; chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Châu Minh T 3, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017.

(Cháu Châu Minh T 3, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2017 đang sống chung với chị Nguyễn Thị Bích T).

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Bích T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Châu Minh T 2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0008907 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí;

Anh Châu Minh T 2 không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Minh T 2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- UBND phường An B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung